

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp đạt/ không đạt.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| TT | Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt | |
|----|---|---|--|-----------|
| 1 | Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân 3 năm gần nhất (2022, 2023, 2024) của nhà thầu | ≥ 300 tỷ đồng | Đạt | |
| | | < 300 tỷ đồng | Không đạt | |
| 2 | Quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho dự án: giải quyết mối quan hệ giữa Chủ đầu tư - Nhà thầu xây lắp - Công ty bảo hiểm - Công ty giám định độc lập; phương thức, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường. Trong đó: | | | |
| | | a. Có quy trình phối hợp giải quyết khi có sự cố xảy ra | Có quy trình phối hợp giải quyết khi có sự cố xảy ra rõ ràng, cụ thể | Đạt |
| | | | Không có (hoặc có nhưng sơ sài) quy trình phối hợp giải quyết khi có sự cố xảy ra | Không đạt |
| | | b. Có sơ đồ thể hiện quy trình | Có sơ đồ thể hiện quy trình | Đạt |
| | | | Không có | Không đạt |
| | | c. Phương thức, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường | Có thuyết minh phương thức, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường đầy đủ, kịp thời | Đạt |
| | | | Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không thiếu một trong các nội dung trên: <i>Phương thức/ thủ tục/ thời hạn giải quyết bồi thường</i> | Không đạt |
| | Có đề xuất công ty giám định độc lập có uy tín, năng lực phù hợp với yêu cầu của Dự án | Đạt | | |

| TT | Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt |
|---|---|---|--------------------------------|
| | d. Đề xuất công ty giám định độc lập có uy tín, năng lực phù hợp với yêu cầu của Dự án | Không đề xuất công ty giám định độc lập có uy tín, năng lực phù hợp với yêu cầu của Dự án | Không đạt |
| 3 | a. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm ⁽¹⁾ 03 năm gần đây (2022, 2023, 2024) | > 0 | Đạt |
| | | ≤ 0 | Không đạt |
| | b. Tỷ lệ giữ lại phí bảo hiểm gốc ⁽²⁾ trong vòng 03 năm gần đây (2022, 2023, 2024) | $> 10\%$ | Đạt |
| | | $\leq 10\%$ | Không đạt |
| 4 | Chương trình thu xếp bảo hiểm, tái bảo hiểm | | |
| | a. Mức giữ lại thực tế của doanh nghiệp bảo hiểm ⁽³⁾ không bao gồm chương trình tái bảo hiểm | Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được phép giữ lại mức trách nhiệm tối đa trên mỗi rủi ro hoặc trên mỗi tổn thất riêng lẻ không quá 10% vốn chủ sở hữu | Đạt |
| | | Doanh nghiệp bảo hiểm giữ lại mức trách nhiệm tối đa trên mỗi rủi ro hoặc trên mỗi tổn thất riêng lẻ vượt quá 10% vốn chủ sở hữu | Không đạt |
| | b. Nhượng tái bảo hiểm cho đơn vị quản lý A nhận tái bảo hiểm ⁽⁴⁾ : | Nhà thầu phải cung cấp thoả thuận cam kết tái bảo hiểm của Công ty tái bảo hiểm trong nước, các Công ty bảo hiểm nước ngoài hoặc hợp đồng tái bảo hiểm hàng năm theo quy định của Bộ Tài Chính. | Đạt |
| Không cung cấp được các tài liệu như yêu cầu trên | | Không đạt | |
| 5 | Tỷ lệ biên khả năng thanh toán tại thời điểm 31/12/2024 | $\geq 150\%$ | Đạt |
| | | $< 150\%$ | Không đạt |
| 6 | Yêu cầu và phạm vi bảo hiểm | | |

| TT | Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt |
|-----|---|---|--------------------------------|
| 6.1 | <p>Phạm vi bảo hiểm đáp ứng yêu cầu cơ bản của dự án nêu trong E-HSMT (<i>E-HSMT có mẫu đơn bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro trong xây dựng đính kèm theo và có đủ các điều khoản bổ sung theo yêu cầu của E-HSMT⁽⁵⁾</i>).</p> | <p>Đáp ứng yêu cầu cơ bản của dự án. Mức giới hạn trách nhiệm do nhà thầu tự đề xuất nhưng không được thấp hơn giới hạn tối thiểu qui định trong E-HSMT. Các điều khoản bổ sung không được ít hơn yêu cầu của E-HSMT.</p> | Đạt |
| | | <p>Thiếu điều khoản bổ sung theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu hoặc mức giới hạn trách nhiệm do nhà thầu đề xuất thấp hơn yêu cầu của E-HSMT.</p> | Không đạt |
| 6.2 | <p>Phí bảo hiểm và mức khấu trừ bảo hiểm đúng quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với Bảo hiểm công trình bắt buộc trong trong hoạt động đầu tư xây dựng.</p> <p>Nhà thầu phải đệ trình kèm theo E-HSMT bản tính phí bảo hiểm gói thầu dựa trên thông tin về dự án, giá trị công trình tại chương V của E-HSMT. Phí bảo hiểm và mức khấu trừ tuân thủ Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023</p> | <p>Nhà thầu chào phí bảo hiểm, mức khấu trừ đối với bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023</p> | Đạt |
| | | <p>Nhà thầu chào phí bảo hiểm, mức khấu trừ đối với bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng không tuân thủ đúng quy định của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023</p> | Không đạt |
| 7 | Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng | | |

| TT | Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt |
|-----------------|--|--|--------------------------------|
| | Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP | Nhà thầu không có hoặc có nhiều nhất 01 hợp đồng bị đánh giá vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng tại “Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu” trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<i>áp dụng kết quả kể từ ngày đăng tải thông tin trong thời hạn 01 năm tính đến thời điểm đóng thầu</i>) | Đạt |
| | | Nhà thầu có từ 02 hợp đồng bị đánh giá vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng tại “Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu” trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<i>áp dụng kết quả kể từ ngày đăng tải thông tin trong thời hạn 01 năm tính đến thời điểm đóng thầu</i>) | Không đạt |
| Kết luận | Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn nêu trên được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn trên thì được đánh giá và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo. | | |

Ghi chú:

(1) Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm} = \text{Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

Trong đó:

- Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm: Mã số 19 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Báo cáo tài chính

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Mã số 26 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Báo cáo tài chính

(2) Tỷ lệ giữ lại phí bảo hiểm gốc

$$\text{Tỷ lệ giữ lại phí bảo hiểm gốc} = \frac{\text{Thu phí bảo hiểm gốc} - \text{Phí nhượng tái bảo hiểm}}{\text{Thu phí bảo hiểm gốc}} \times 100\%$$

Trong đó:

- Thu phí bảo hiểm gốc: Mã số 01.1 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Báo cáo tài chính

- Phí nhượng tái bảo hiểm: Mã số 02.1 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Báo cáo tài chính

(3) và (4) Nhà thầu chỉ được phép giữ lại mức trách nhiệm tối đa trên mỗi rủi ro hoặc trên mỗi tổn thất riêng lẻ không quá 10% vốn chủ sở hữu

Trường hợp liên danh, mỗi thành viên liên danh phải thu xếp bảo hiểm và tái bảo hiểm tương ứng với giá trị tài sản được bảo hiểm mà thành viên này đảm nhận trong liên danh.

(5) Các điều khoản sửa đổi bổ sung do nhà thầu tự đề xuất nhưng không được ít hơn các điều khoản sửa đổi bổ sung đã yêu cầu trong E-HSMT.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính:

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

Trường hợp các nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) bằng nhau thì việc xếp hạng nhà thầu được tính trên cơ sở thứ tự ưu tiên như sau:

1. Nhà thầu có doanh thu phí bảo hiểm gốc của năm tài chính gần nhất so với thời đóng thầu cao hơn thì được xếp hạng cao hơn (trong trường hợp nhà thầu liên danh thì áp dụng cho thành viên có tỷ lệ % giá trị đảm nhận cao hơn).

2. Nhà thầu có vốn chủ sở hữu tính đến hết ngày 31/12/2024 cao hơn thì được xếp hạng cao hơn (trong trường hợp nhà thầu liên danh thì áp dụng cho thành viên có tỷ lệ % giá trị đảm nhận cao hơn).